

Rủi ro không phải bây giờ mới có và cũng không phải mãi đến nay người ta mới đề cập. Nó là một khái niệm biểu hiện như là sự tuyệt vời của tay về một sự may mắn nào đó mà lẽ ra có thể có hoặc một bất trắc dẫn đến những hệ lụy xấu.

Trong hoạt động ngân hàng, rủi ro tín dụng là những trường hợp vốn tín dụng không được hoàn trả đúng hạn hoặc không đầy đủ. Hoạt động tín dụng chiếm một vai trò lớn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng vì vậy rủi ro tín dụng có thể sẽ dẫn đến những tai hại xấu, có khi dẫn đến sụp đổ ngân hàng. Và khác với sự sụp đổ của doanh nghiệp, sự sụp đổ của ngân hàng không dừng lại ở một ngân hàng cụ thể mà mang tính lây lan có khi làm rung chuyển toàn bộ hệ thống. Và vì hệ thống ngân hàng được coi là hệ thần kinh của nền kinh tế. Do vậy sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng chắc chắn dẫn đến các cuộc khủng hoảng kinh tế tạm thời hoặc triển miên với những hậu quả xấu khó ai mà lường hết được. Chính vì lẽ đó các ngân hàng luôn luôn tìm kiếm các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của mình.

Trong thời gian qua hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng không ngừng mở rộng. Trong năm 95 dư nợ cho vay ngắn hạn tăng 36,7%, dư nợ cho vay trung và dài hạn tăng 24,6%. Tín dụng ngân hàng đã mở rộng tới mọi thành phần kinh tế. Dư nợ cho vay kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 41,5% tổng dư nợ (năm 94: 36%). Tuy nhiên vẫn có những dấu hiệu tiềm ẩn tăng rủi ro tín dụng, cụ thể tỷ lệ nợ quá hạn năm 1995 tăng 0,26% so với năm 1994 và năm 1996 tăng 0,34% so với năm 1995 (không tính nợ khoanh). Nhiều ngân hàng có nợ quá hạn quá cao, thêm vào đó là nợ quá hạn khó đòi. Loại nợ này ở các ngân hàng quốc doanh chiếm 14% tổng nợ quá hạn.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đáng lo ngại trên. Một trong những nguyên nhân đó là năng lực vay vốn của các doanh nghiệp còn yếu, trở thành các đối tác của ngân hàng không cân xứng, dễ dẫn đến không trả được nợ vay ngân hàng đúng hạn và tất yếu rủi ro tín dụng tăng lên. Theo thể lệ cho vay để được vay vốn, vốn tự có của doanh nghiệp tối thiểu phải theo tỷ lệ 50: 50 (cho vay tối đa bằng vốn tự có). Theo số liệu thống kê về các doanh nghiệp đến ngày 31.12.1995, doanh nghiệp tư nhân chiếm 54% tổng số các doanh nghiệp với số vốn kinh doanh bình quân một doanh nghiệp là 165 triệu đồng, còn công ty TNHH chiếm 22% với số vốn bình quân 790 triệu đồng

TĂNG VỐN KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP MỘT GIẢI PHÁP TÍCH CỰC NHẪM HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

PGS.PTS. LÊ VĂN TỀ &
PTS. LÊ THỊ HIỆP THƯƠNG



một doanh nghiệp (1). Trong khi đó, nhu cầu vay của các doanh nghiệp rất lớn. Như vậy trên thực tế rất khó mở rộng vốn tín dụng ngân hàng. Bên cạnh đó trong thực tế các doanh nghiệp vẫn được vay vốn lớn. Ví dụ: 1 cty thương mại có vốn tự có 5.456 triệu đồng, trong khi đó vay ngân hàng 5.950 triệu đồng VN, 605 ngàn USD tương đương 6.650 tỷ. Hay cty Vạn Thành (tỉnh Đồng Tháp), được Eximbank cho vay 3 tỷ đồng để mua gạo xuất khẩu trong khi vốn tự có là 550 triệu đồng. Những trường hợp cho vay vượt quá vốn tự có của doanh nghiệp gặp nhiều lần chúng ta có thể gặp ở bất cứ ngân hàng thương mại nào. Điều này cho thấy bên cạnh các điều chỉnh cải tiến trong qui định cho vay của các ngân hàng, từ hướng các doanh nghiệp cũng phải có sự điều chỉnh tích cực và thích hợp: đó là tăng vốn tự có để tăng năng lực vay vốn của mình.

Theo điều 25 Luật công ty, các Cty TNHH phải góp vốn đủ một lần trước khi thành lập và không được phép phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Còn theo điều 30, các cty cổ phần được phép phát hành chứng khoán. Do đó khả năng mở rộng vốn hoạt động của các công ty cổ phần lớn hơn các công ty TNHH.

Như vậy, để tăng vốn tự có của doanh nghiệp có thể thực hiện biện pháp sau:

+ Về phía nhà nước cần điều chỉnh tăng vốn pháp định của các loại doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế hiện nay như một giải pháp bắt buộc để tăng vốn tự có của doanh nghiệp.

+ Về phía các doanh nghiệp

- Các cty cổ phần: kêu gọi tăng vốn bằng cách tăng cổ phần hoặc tăng cổ đông hoặc bằng cách phát hành các trái khoán.

- Các Cty TNHH và tư nhân tăng vốn điều lệ từ vốn góp của các thành viên hoặc cổ phần hóa các công ty loại này.

Với thực tế các công ty tư nhân và TNHH chiếm 70% tổng số các doanh nghiệp, cho thấy biện pháp đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các loại doanh nghiệp này sẽ cải thiện được năng lực vay vốn của các doanh nghiệp, nhằm giảm rủi ro tín dụng cho các ngân hàng. Đó là chưa kể đến khả năng dân cư tham gia vào quá trình này bằng việc mua các chứng khoán sẽ chia sẻ rủi ro với ngân hàng, một phần giải quyết được việc tổn động vốn không cho vay được ở các ngân hàng thương mại hiện nay ■

(1) Tạp chí Thông tin KH ngân hàng số 6.1996 trang 24